

S3 tạo nên. Đến đỉnh khoeo, dây thần kinh hông to chia ra dây thần kinh mạc chung, dây thần kinh chày. Từ đó chia ra các nhánh mạc nông, mạc sâu,... Trong nghiên cứu, ngoài tổn thương các dây thần kinh ngoại vi, bệnh nhân còn có kèm theo tổn thương các sợi lớn L5 – S1 (chiếm 24,2%), cũng phù hợp với thời gian mắc bệnh và mức độ tăng đường huyết của bệnh nhân.

V. KẾT LUẬN

Tê bì như kiến bò, nóng rát, kim châm là dấu hiệu rối loạn cảm giác chủ quan thường gặp (chiếm 90,3%), vị trí chủ yếu ở bàn chân (90,3%). Giảm và mất phản xạ gân Achille là dấu hiệu sớm của BCTKNV do ĐTD (87,1% và 83,9%).

Mức độ kiểm soát đường huyết kém (HbA1c > 9%) tại thời điểm khám chiếm 40,4%. Tổn thương thần kinh chày và mạc nông trên điện cơ chiếm tỷ lệ cao (67,7,6% và 85,5%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Duy Mạnh** (2007). Nghiên cứu biểu hiện tổn thương đa dây thần kinh ở bệnh nhân

đái tháo đường type 2. Luận văn Thạc sỹ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.

2. **Lê Thị Minh Nguyệt**. Biến chứng thần kinh ngoại vi ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 cao tuổi có hội chứng chuyển hóa. Luận văn bác sỹ chuyên khoa cấp II. Trường Đại học Y Hà Nội; 2016.
3. **Thái Hồng Quang** (1989). Góp phần nghiên cứu các biến chứng mạn tính trong bệnh ĐTD. Luận án PTS khoa học, trường Đại học Y Hà Nội, tr.74.
4. **Thomas G.N.S.Y, Janus E.D, et al** (2005) " The Us National Cholesterol Education Program Adult Treatment Panel III Prevalance of the metabolic syntrome in Chirifes population" . Diabetes Care, 22, pp.1211-7.
5. **Young MJ, Boulton AJ, MacLeod AF, Williams DR, Sonksen PH**. A multicentre study of the prevalence of diabetic peripheral neuropathy in the United Kingdom hospital clinic population. Diabetologia. 1993; 36(2): 150-154. doi:10.1007/BF00400697.
6. **Nam Han Cho** (2015). International Diabetes Federation (IDF) diabetes atlas Committe 7th Edition.
7. **Dyck P.J., Davies J.L., Wilson D.M. và cộng sự**. (1999). Risk factors for severity of diabetic polyneuropathy: intensive longitudinal assessment of the Rochester Diabetic Neuropathy Study cohort. Diabetes Care, 22(9), 1479–1486.

TÌNH TRẠNG LỆCH LẠC KHỚP CĂN Ở HỌC SINH LỚP 9 TRƯỜNG LIÊN CẤP HERMANN GMEINER, HÀ NỘI NĂM 2023

Lưu Văn Tường¹, Đỗ Thị Thu Hương¹,
Đinh Diệu Hồng¹, Trương Thị Mai Anh¹

TÓM TẮT

Trong các thập niên qua, chăm sóc sức khỏe răng miệng của học sinh đã được quan tâm nhiều hơn, tình trạng lệch lạc khớp cắn được xã hội ngày càng chú trọng. Trường liên cấp Hermann Gmeiner, Hà Nội là một trong những trường chú trọng đến công tác Nha học đường và điều trị dự phòng cho học sinh. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đánh giá tình trạng lệch lạc khớp cắn ở học sinh là cần thiết để cung cấp các số liệu để điều trị dự phòng, nắn chỉnh răng cho đối tượng học sinh. Qua nghiên cứu, phân tích các dữ liệu về tình trạng lệch lạc khớp cắn học sinh khối lớp 9, của trường liên cấp Hermann Gmeiner, Hà Nội năm 2023, chúng tôi nhận thấy rằng: - 13,9% các em có khuôn mặt lệch phải và chỉ có 2 em có khuôn mặt lệch trái. - Tỷ lệ học sinh có 3 tầng mặt cân xứng chiếm đến 91,1%. Ba tầng mặt không cân đối chỉ thấy ở 8,9%. - Các kiểu mặt lồi và mặt lõm chiếm tỷ lệ tương ứng là 21,5% và 11,4%. - Có 83,5 % học sinh khối lớp 9 có tương quan môi trên – môi dưới bình thường,

môi trên ở phía ngoài môi dưới. Số còn lại, 16,5% học sinh có tư thế môi đảo ngược. - Đa số học sinh lớp 9 có tương quan Angle loại I cả răng 6 và răng 3, cả bên phải và bên trái. - Tình trạng cắn ngược răng cửa chỉ gặp ở 8,9% học sinh, tuy nhiên có 35,4% học sinh có răng cửa khấp khểnh. - Tỷ lệ bất thường về số lượng răng cũng thấp, chiếm 10,1%.

SUMMARY

MALOCCLUSION CONDITION IN STUDENTS AT HERMANN GMEINER INTER – LEVEL SCHOOL, HA NOI IN 2023

In the past decades, students' oral health cares has received more attention, malocclusion has received increasing attention from society. Hermann Gmeiner Inter-school, Hanoi is one of the schools that focuses on school dentistry and preventive treatment for students. Therefore, we conduct research to evaluate malocclusion status in students is necessary to provide data for preventive treatment and orthodontic treatment for students. Through research and analysis of data on malocclusion of 9th grade students of Hermann Gmeiner inter-school, Hanoi in 2023, we found that: - 13.9% of the children have faces that are skewed to the right and only 2 children have faces that are skewed to the left. - The proportion of students with three symmetrical face height accounts for 91.1%. Three asymmetrical face

¹Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc Gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Thị Thu Hương

Email: hường131089@gmail.com

Ngày nhận bài: 10.4.2023

Ngày phản biện khoa học: 24.5.2023

Ngày duyệt bài: 13.6.2023

height only found in 8.9%. - The types of convex and concave faces account for 21.5% and 11.4%, respectively. - There are 83.5% of students in grade 9 with a normal upper-lower lip relationship. The rest, 16.5% of students had an inverted lip position. - Most of the 9th grade students have an Angle correlation of type I on both teeth 6 and 3, both on the right and on the left. - The condition of crossbite incisors was only found in 8.9% of students, however, 35.4% of students had crowding incisors. - The rate of abnormal number of teeth is also low, accounting for 10.1%.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng lệch lạc khớp cắn là bệnh lý răng miệng có tỷ lệ mắc rất cao trong cộng đồng. Bệnh đã và đang nhận được sự quan tâm lớn của xã hội. Tình trạng lệch lạc khớp cắn không chỉ ảnh hưởng lên chức năng ăn nhai mà còn ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Tình trạng lệch lạc răng nếu phát hiện sớm và điều trị dự phòng tốt sẽ giảm trừ được rất nhiều nguy cơ mắc các bệnh lý vùng quanh răng và sâu răng.

Biểu hiện bệnh có thể kéo dài gây ra tổn thương mãn tính, âm thầm ảnh hưởng đến khớp thái dương hàm, thậm chí còn gây ảnh hưởng đến khả năng học tập. Vì vậy việc nghiên cứu về tình trạng lệch lạc khớp cắn là rất cần thiết cho chiến lược chăm sóc dự phòng các bệnh răng miệng.

Trước thực tiễn đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về lệch lạc khớp cắn ở học sinh lớp 9 trường phổ thông liên cấp Hermann Gmeiner năm 2023 sau khi thực hiện chương trình dự phòng nha khoa cộng đồng ở trẻ em để đánh giá về diễn biến tình trạng sức khỏe răng miệng ở học sinh cũng như đề xuất các khuyến nghị tiến hành dự phòng tốt hơn trong tương lai.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chọn mẫu nghiên cứu toàn bộ học sinh khối lớp 9 đang theo học tại trường liên cấp Hermann Gmeiner, tổng số 79 học sinh.

Học sinh được khám ở tư thế ngồi thẳng trên ghế, đầu ngả về phía sau, bác sĩ ngồi đối diện quan sát và khám. Bác sĩ tiến hành phỏng vấn bằng câu hỏi trước khi khám, câu trả lời được trợ thủ điền vào phiếu in sẵn. Quy trình khám sử dụng các dụng cụ khám răng miệng thông thường với nguồn sáng từ các đèn sợi quang học được phát từ đầu gương khám. Các dấu hiệu cần ghi nhận khi thăm khám là kích thước ba tầng mặt, tương quan môi trên – môi dưới, tương quan răng 3 và tương quan răng 6 theo phân loại Angle, tình trạng cắn chéo răng trước và khớp khểnh răng trước, bất thường về số lượng răng.

Người khám là các bác sĩ răng hàm mặt được tập huấn, định chuẩn để thống nhất về cách đánh giá với chỉ số Kappa là 0,82.

Các số liệu phân tích và xử lý theo thuật toán thống kê y học.

III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tình trạng lệch lạc khớp cắn của học sinh trường liên cấp Hermann Gmeiner được mô tả trong các bảng sau:

Bảng 1: Tình trạng cân đối mặt thẳng của học sinh lớp 9 năm 2023

Mặt thẳng	n	Tỷ lệ thực hành (%)
Cân xứng	66	83,5
Lệch phải	11	13,9
Lệch trái	2	2,5

Kết quả ở bảng 1 cho thấy 83,5% học sinh lớp 9 trường liên cấp Hermann Gmeiner, Hà Nội có mặt cân xứng theo trục dọc cơ thể, có 13,9% các em có khuôn mặt lệch phải và chỉ có 2 em có khuôn mặt lệch trái.

Bảng 2: Sự cân đối ba tầng mặt của học sinh lớp 9 năm 2023

So sánh kích thước ba tầng mặt	n	Tỷ lệ (%)
Cân đối	72	91,1
Không cân đối	7	8,9

Kết quả ở bảng 2 cho thấy rằng tỷ lệ học sinh có 3 tầng mặt cân xứng chiếm đến 91,1%. Ba tầng mặt không cân đối chỉ thấy ở 8,9%, đây là đối tượng cần được khám xét kỹ càng và tư vấn thêm.

Bảng 3: Kiểu mặt nghiêng của học sinh lớp 9 năm 2023

Kiểu mặt nghiêng	n	Tỷ lệ (%)
Mặt lồi	17	21,5
Mặt lõm	9	11,4
Bình thường	53	67,1

Kết quả ở bảng 3 cho thấy rằng tỷ lệ học sinh lớp 9 có kiểu mặt bình thường chiếm 67,1%, chiếm ưu thế. Các kiểu mặt lồi và mặt lõm chiếm tỷ lệ tương ứng là 21,5% và 11,4%. Kiểu mặt lồi gặp với tỷ lệ cao trong các lệch lạc, phù hợp với người Á đông.

Bảng 4: Tương quan môi trên – môi dưới của học sinh lớp 9 năm 2023

Tương quan môi trên – dưới	n	Tỷ lệ (%)
Bình thường	66	83,5
Đào ngược	13	16,5

Có 83,5% học sinh khối lớp 9 có tương quan môi trên – môi dưới bình thường, môi trên ở phía ngoài môi dưới. Số còn lại, 16,5% học sinh có tư thế môi đảo ngược.

Bảng 5: Tương quan khớp cắn răng 6 bên phải theo phân loại Angle

Loại	n	Tỷ lệ (%)
I	39	49,4

II	17	21,5
III	20	25,3
Không xác định	3	3,8

Đa số học sinh lớp 9 có tương quan răng 6 bên phải loại I, chiếm 49,4%, tương quan loại II chiếm 21,5%, ít hơn so với tương quan loại III chiếm 25,3%.

Bảng 6: Tương quan khớp cắn răng 6 bên trái theo phân loại Angle

Loại	n	Tỷ lệ (%)
I	43	54,4
II	19	24,1
III	13	16,4
Không xác định	4	5,1

Đa số học sinh lớp 9 có tương quan răng 6 bên trái loại I, chiếm 54,4%, tương quan loại II chiếm 24,1%, cao hơn so với tương quan loại III chiếm 16,4%.

Bảng 7: Tương quan khớp cắn răng 3 bên phải theo phân loại Angle

Loại	n	Tỷ lệ (%)
I	48	60,8
II	15	19,0
III	11	13,9
Không xác định	5	6,3

Đa số học sinh lớp 9 có tương quan răng 3 bên phải loại I, chiếm 60,8%, tương quan loại II chiếm 19%, cao hơn so với tương quan loại III chiếm 13,9%.

Bảng 8: Tương quan khớp cắn răng 3 bên trái theo phân loại Angle

Loại	n	Tỷ lệ (%)
I	51	64,6
II	14	17,7
III	10	12,7
Không xác định	4	5,0

Đa số học sinh lớp 9 có tương quan răng 3 bên trái loại I, chiếm 64,6%, tương quan loại II chiếm 17,7%, cao hơn so với tương quan loại III chiếm 12,7%.

Bảng 9: Tình trạng cắn ngược răng cửa ở học sinh lớp 9 năm 2023

Tình trạng răng cửa	n	Tỷ lệ (%)
Cắn ngược 1 răng	4	5,1
Cắn ngược 2 răng	2	2,5
Cắn ngược 3 răng	1	1,3
Cắn ngược từ 4 răng trở lên	0	0
Bình thường	72	91,1

Trong khối học sinh lớp 9, đa số học sinh không có cắn ngược răng cửa, chiếm 91,1 %, cắn ngược răng cửa chủ yếu ở 1 răng, chiếm 5,1%.

Bảng 10: Tình trạng khớp khểnh răng trước ở học sinh lớp 9 năm 2023

Tình trạng răng cửa	n	Tỷ lệ (%)
Khấp khểnh	28	35,4
Không khấp khểnh	51	64,6

Trong khối học sinh lớp 9, răng cửa không khấp khểnh gặp ở đa số 64,6 %. Số học sinh có răng khấp khểnh gặp ở 35,4%.

Bảng 11: Số lượng răng trên cung hàm của học sinh lớp 9 năm học 2023

Số lượng răng	n	Tỷ lệ (%)
Bình thường	71	89,9
Có răng thừa	4	5,05
Thiếu răng vĩnh viễn	4	5,05

89,9% học sinh có đủ răng trong bộ răng vĩnh viễn (không kể răng khôn), chỉ có 4 em bị thiếu răng vĩnh viễn và 4 em có răng thừa.

IV. KẾT LUẬN

Đánh giá và dự phòng lệch lạc khớp cắn là khía cạnh mới được bổ sung, cần thiết cho chương trình Nha học đường. Việc khám và phát hiện sớm các lệch lạc khớp cắn giúp tư vấn điều trị, tránh được các hậu quả như mòn, vỡ răng, viêm quanh răng cho các em học sinh. Kết quả nghiên cứu tình trạng lệch lạc khớp cắn ở nhóm học sinh khối lớp 9 tại trường liên cấp Hermann Gmeiner, chúng tôi có một số kết luận sau:

- 13,9% các em có khuôn mặt lệch phải và chỉ có 2 em có khuôn mặt lệch trái.

- Tỷ lệ học sinh có 3 tầng mặt cân xứng chiếm đến 91,1%. Ba tầng mặt không cân đối chỉ thấy ở 8,9%

- Các kiểu mặt lồi và mặt lõm chiếm tỷ lệ tương ứng là 21,5% và 11,4%.

- Có 83,5 % học sinh khối lớp 9 có tương quan môi trên – môi dưới bình thường, môi trên ở phía ngoài môi dưới. Số còn lại, 16,5% học sinh có tư thế môi đảo ngược.

- Đa số học sinh lớp 9 có tương quan Angle loại I cả răng 6 và răng 3, cả bên phải và bên trái.

- Tình trạng cắn ngược răng cửa chỉ gặp ở 8,9% học sinh, tuy nhiên có 35,4% học sinh có răng cửa khấp khểnh.

- Tỷ lệ bất thường về số lượng răng cũng thấp, chiếm 10,1%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thu Phương. Chỉnh hình răng mặt tập 1, tập 2. NXB Giáo dục. 2013.
2. Trịnh Đình Hải, Đào Ngọc Phong. Phương pháp nghiên cứu dịch tễ học lâm sàng trong nha khoa. NXB Y học. 2014.
3. Đào Thị Dung. Phòng bệnh răng miệng và chương trình Nha học đường. NXB Y học. 2013.
4. Trịnh Đình Hải. Oral Health promotion for school children in Vietnam. Medical publishing house. Hanoi 2011.

TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG CỦA BỆNH NHÂN UNG THƯ ĐƯỜNG TIÊU HÓA SAU PHẪU THUẬT TẠI TRUNG TÂM UNG BƯỚU - BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Đoàn Thị Nhung¹, Trần Thị Hồng Vân¹,
Hoàng Văn Lâm¹, Lê Thị Huyền¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, tiến hành trên 51 bệnh nhân mắc ung thư đường tiêu hóa đã phẫu thuật tại Trung tâm Ung bướu của Bệnh viện trung ương Thái Nguyên với mục tiêu mô tả tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa sau phẫu thuật tại Trung tâm Ung bướu bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2022 và phân tích một số yếu tố liên quan. Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành dựa theo phân loại chuẩn của WHO năm 2006 và đánh giá PG-SGA. Kết quả nghiên cứu cho thấy theo phân loại đánh giá PG-SGA có 82,4% đối tượng nghiên cứu có tình trạng SDD nhẹ và trung bình; 3,9% đối tượng có SDD mức độ nặng. Phân loại theo BMI có 29,5% đối tượng nghiên cứu có suy dinh dưỡng, 1,9% đối tượng thừa cân. Tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giai đoạn ung thư; triệu chứng chán ăn, ăn không ngon miệng và tình trạng dinh dưỡng của nhóm đối tượng nghiên cứu ($p < 0,05$).

Từ khóa: suy dinh dưỡng, ung thư tiêu hóa sau phẫu thuật, PG-SGA.

SUMMARY

THE NUTRITIONAL STATUS OF DIGITAL CANCER PATIENTS AFTER SURGERY AT THE ONCOLOGY CENTER- THAI NGUYEN NATIONAL HOSPITAL AND SOME RELATED FACTORS

A cross-sectional descriptive study, conducted on 51 patients with gastrointestinal cancer who underwent surgery at the Oncology Center of Thai Nguyen National Hospital with the aim of describing the nutritional status of patients with gastrointestinal cancer. Post-operative chemotherapy at the Oncology Center of Thai Nguyen National Hospital in 2022 and analysis of some related factors. The method of assessing the nutritional status of adults is based on the 2006 WHO standard classification and PG-SGA assessment. The study results showed that according to the PG-SGA assessment classification, 82,4% of the study subjects had mild and moderate malnutrition; 3,9% of subjects had severe malnutrition. Classified by BMI, 29,5% of study subjects were malnourished, 1,9% of subjects were overweight. Found a statistically significant association between cancer

stage; symptoms of anorexia, loss of appetite and nutritional status of the study group ($p < 0,05$).

Keywords: malnutrition, postoperative gastrointestinal cancer, PG-SGA.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê GLOBOCAN 2020, thế giới có 19,2 triệu người mới mắc ung thư hàng năm và 9,9 triệu người tử vong do căn bệnh này trong một năm, trong đó tỉ lệ mắc ung thư đường tiêu hóa thuộc top 5 các loại ung thư như ung thư đại trực tràng (10%), ung thư da dày (5,6%) [1]. Bệnh có xu hướng gia tăng ở nhiều quốc gia trên thế giới và theo Tổ chức y tế thế giới ung thư vẫn là một trong 10 nguyên nhân hàng đầu gây tử vong trên toàn thế giới năm 2019 [2]. Châu Á là khu vực có tỉ lệ mắc ung thư cao nhất thế giới chiếm tỉ lệ là 49,3% [3]. Ở Việt Nam, số ca mắc ung thư mới là 182.563 người, số ca tử vong là 122.690 người, đã tăng lên so với năm 2018 (164.671 ca mắc mới, 114.871 ca tử vong) và tỉ lệ mắc ung thư đường tiêu hóa đứng sau ung thư gan, ung thư phổi, ung thư vú (ung thư da dày đứng thứ 4 chiếm 9,8%; ung thư đại trực tràng đứng thứ 5 chiếm 9%) [4]. Dinh dưỡng đóng vai trò khoảng 35% các nguyên nhân gây bệnh ung thư, và bên cạnh đó ung thư cũng có tác động tới tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân. Theo nghiên cứu trên bệnh nhân phẫu thuật ung thư đường tiêu hóa của A K Garth năm 2010 cho thấy, 32% bệnh nhân được phân loại suy dinh dưỡng nhẹ-vừa (SGA-B) và 16% suy dinh dưỡng nặng (SGA-C) [5]. Theo nghiên cứu năm 2017 của Phan Thị Bích Hạnh ghi nhận tỷ lệ suy dinh dưỡng của bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội phân loại theo PG-SGA là 58,5% và tỷ lệ có nguy cơ suy dinh dưỡng nặng là 11,3% [6]. Tác giả Nguyễn Thị Thúy Lương nghiên cứu tại Bệnh viện K cơ sở Tân Triều năm 2021 trên 88 bệnh nhân ung thư thực quản cho kết quả 73,2% bệnh nhân có suy dinh dưỡng hoặc có nguy cơ suy dinh dưỡng theo phân loại PG-SGA, 37,7% bệnh nhân bị suy dinh dưỡng theo BMI [7].

Tại tỉnh Thái Nguyên, các nghiên cứu về tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân ung thư còn khiêm tốn. Vậy tình trạng dinh dưỡng của nhóm bệnh

¹Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Hồng Vân

Email: hypocrateyk88@gmail.com

Ngày nhận bài: 11.4.2023

Ngày phản biện khoa học: 25.5.2023

Ngày duyệt bài: 15.6.2023